

Bản án số: 27/2019/HSST
Ngày: 12/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Minh Thảo.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đức Nhân.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đường Hạc Vương Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Viết Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 tại Đồng Nai; HKTT: Ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 6/12; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; Con bà: Hồ Thị Bạch T, sinh năm 1963; Vợ là Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1987; Có 02 người con, người con lớn sinh năm 2007, người con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có mặt.

Người bị hại: Ông Trần Văn B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần Văn B nợ Nguyễn Văn T số tiền 3.450.000 đồng, T nhiều lần yêu cầu B trả nhưng B không trả. Vào lúc 12 giờ ngày 13/10/2018, T rủ L (không rõ nhân thân, lai lịch) đến nhà B mục đích là để lấy xe mô tô của anh B mang về nhà, khi nào có tiền trả cho T thì T trả xe. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 60C1-378.83 chở L ngồi phía sau đi đến nhà anh B tại Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Khi đi gần đến, T dừng xe lại nhặt 01 đoạn cây tràm dài khoảng 50cm cầm theo. Khi đến nơi, T để xe ngoài sân và cầm đoạn cây tràm đi vào bên trong nhà, còn L đứng ngoài. Khi vào trong nhà thấy anh B đang ngủ nên T kêu anh B dậy và nói “Tiền bạc em sao rồi” thì anh B nói “Ráng anh vài hôm nữa”. T yêu cầu anh B đưa chìa khóa mô tô biển số 60LD – 400.43 của anh B để T lấy xe về, khi nào có tiền trả thì T trả xe nhưng anh B không đưa nên T tự ý dắt xe mô tô của anh B ra ngoài sân. Lúc này, T nói L ngồi lên xe mô tô của anh B để T đẩy về, L đồng ý nên T và L đẩy xe mô tô của anh B về nhà T cất giấu. Đến ngày 15/10/2018, anh B làm đơn tố cáo hành vi của T đến Công an xã T.

Tại bản kết luận định giá tài sản tố tụng số 109/KL.ĐG ngày 28/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô biển số 60LD – 400.43 có trị giá 2.500.000 đồng (bút lục số 30).

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 60LD – 400.43 và 01 xe mô tô biển số 60C1 – 378.83, số máy P1- 161235, số khung CY161226 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSLT ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cuồng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án từ 12 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 đến 28 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa án tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 60C1 – 378.83, số máy P1- 161235, số khung CY161226 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T. Đối với xe mô tô biển số 60LD – 400.43 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Long Thành đã trả cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Văn B đã nhận lại xe mô tô biển số 60LD – 400.43 và không yêu cầu gì thêm.

Ngoài ra, Nguyễn Văn T và Trần Văn B còn có hành vi đánh bạc, Công an huyện Long Thành đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T và B.

Đối với người thanh niên tên L cùng thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản với T nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố là đúng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Lúc 12 giờ ngày 13/10/2018, tại nhà anh Trần Văn B thuộc xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn T có hành vi cầm 01 đoạn cây tràm đe dọa uy hiếp tinh thần của anh B để chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 60 LD- 400.43 trị giá 2.500.000 đồng. Sau đó T mang xe mô tô trên về cất giấu tại nhà ở Ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội nhưng vẫn quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra. Vì vậy, bị cáo phải nhận mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi

phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên Tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Văn B đã nhận lại xe mô tô BS 60LD- 400.43 và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 60C1 – 378.83, số máy P1- 161235, số khung CY161226 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Đối với người thanh niên tên L cùng thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản với bị cáo nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án 12/3/2019.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo

thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 60C1 – 378.83, số máy P1- 161235, số khung CY161226 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T.

(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/01/2019)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Trần Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND H.Long Thành (1);
- NTGCA H.Long Thành (2);
- CQĐT CA H.Long Thành (1)
- CCTHA H.Long Thành (1);
- TAND T.Đồng Nai (1);
- Sở tư pháp T.Đồng Nai (1);
- UBND xã T (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Lưu (5).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo

